

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2024-2025

Thực hiện Thông tư 09/TT/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 về Quy định công khai trong các hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Trường PTDTBT TH Chà Tỏ công khai thông tin về kết quả hoạt động giáo dục năm học 2024-2025 cụ thể như sau:

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;

Năm học 2024 – 2025 nhà trường có tổng số **383** học sinh, số học sinh nữ là 181 em chiếm 47,3%. Có **15** lớp, bình quân học sinh/lớp đạt 25,5 học sinh. Học sinh dân tộc thiểu số chiếm 99% số học sinh toàn trường. Tỷ lệ học sinh được huy động ra lớp đạt 100%; các em đi học chuyên cần, có ý thức tham gia học tập, lao động và rèn luyện tốt. Có 383/383 HS được học 2 buổi/ngày đạt 100%. Toàn trường có 16 học sinh khuyết tật học hòa nhập.

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp:

I. Kết quả học tập	KQĐG	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
		TS	Nữ	TS	Nữ	TS	Nữ	TS	Nữ	TS	Nữ
1. Tiếng Việt	383	63	28	80	42	78	39	76	40	86	32
Hoàn thành tốt	189	33	21	38	21	39	22	37	21	42	16
Hoàn thành	193	30	7	42	21	39	17	38	19	44	16
Chưa hoàn thành	1							1			
2. Toán	383	63	28	80	42	78	39	76	40	86	32
Hoàn thành tốt	193	34	21	38	20	41	23	38	21	42	15
Hoàn thành	189	29	7	42	22	37	16	37	19	44	17
Chưa hoàn thành	1							1			
3. Đạo đức	383	63	28	80	42	78	39	76	40	86	32
Hoàn thành tốt	215	37	21	40	22	42	23	45	28	51	19
Hoàn thành	167	26	7	40	20	36	16	30	12	35	13
Chưa hoàn thành	1							1			
4. Tự nhiên và Xã hội	221	63	28	80	42	78	39				
Hoàn thành tốt	110	33	21	38	20	39	22				

[illegible]

Chưa hoàn thành											
II. Năng lực cốt lõi											
Năng lực chung											
Tự chủ và tự học	383	63	28	80	42	78	39	76	40	86	32
Tốt	215	36	21	42	23	42	21	45	25	50	19
Đạt	167	27	7	38	19	36	18	30	15	36	13
Cần cố gắng	1							1			
Giao tiếp và hợp tác	383	63	28	80	42	78	39	76	40	86	32
Tốt	195	35	21	40	21	39	22	39	21	42	15
Đạt	187	28	7	40	21	39	17	36	19	44	17
Cần cố gắng	1							1			
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	383	63	28	80	42	78	39	76	40	86	32
Tốt	190	34	21	39	21	37	20	38	22	42	15
Đạt	192	29	7	41	21	41	19	37	18	44	17
Cần cố gắng	1							1			
Năng lực đặc thù											
Ngôn ngữ	383	63	28	80	42	78	39	76	40	86	32
Tốt	192	34	21	41	23	38	22	36	21	43	17
Đạt	190	29	7	39	19	40	17	39	19	43	15
Cần cố gắng	1							1			
Tính toán	383	63	28	80	42	78	39	76	40	86	32
Tốt	196	35	21	41	22	40	23	38	21	42	15
Đạt	186	28	7	39	20	38	16	37	19	44	17
Cần cố gắng	1							1			
Tin học	240					78	39	76	40	86	32
Tốt	122					39	21	38	21	45	18
Đạt	117					39	18	37	19	41	14
Cần cố gắng	1							1			
Công nghệ	240					78	39	76	40	86	32
Tốt	124					40	22	39	22	45	17
Đạt	115					38	17	36	18	41	15
Cần cố gắng	1							1			
Khoa học	383	63	28	80	42	78	39	76	40	86	32
Tốt	196	34	21	41	22	40	22	38	21	43	16
Đạt	186	29	7	39	20	38	17	37	19	43	16
Cần cố gắng	1							1			
Thẩm mĩ	383	63	28	80	42	78	39	76	40	86	32
Tốt	200	35	21	41	22	40	21	39	22	45	17
Đạt	182	28	7	39	20	38	18	36	18	41	15
Cần cố gắng	1							1			
Thể chất	383	63	28	80	42	78	39	76	40	86	32
Tốt	198	34	21	41	22	40	20	39	22	44	17
Đạt	184	29	7	39	20	38	19	36	18	42	15

Cần cố gắng	1							1			
III. Phẩm chất chủ yếu											
Yêu nước	383	63	28	80	42	78	39	76	40	86	32
Tốt	287	45	24	61	37	59	30	57	33	65	25
Đạt	96	18	4	19	5	19	9	19	7	21	7
Cần cố gắng											
Nhân ái	383	63	28	80	42	78	39	76	40	86	32
Tốt	286	45	24	60	35	59	31	57	33	65	25
Đạt	97	18	4	20	7	19	8	19	7	21	7
Cần cố gắng											
Chăm chỉ	383	63	28	80	42	78	39	76	40	86	32
Tốt	274	43	23	56	34	57	31	56	33	62	24
Đạt	109	20	5	24	8	21	8	20	7	24	8
Cần cố gắng											
Trung thực	383	63	28	80	42	78	39	76	40	86	32
Tốt	272	43	23	56	34	57	30	54	33	62	24
Đạt	111	20	5	24	8	21	9	22	7	24	8
Cần cố gắng											
Trách nhiệm	383	63	28	80	42	78	39	76	40	86	32
Tốt	264	42	22	54	33	55	29	54	33	59	23
Đạt	119	21	6	26	9	23	10	22	7	27	9
Cần cố gắng											
IV. Đánh giá KQGD	383	63	28	80	42	78	39	76	40	86	32
- Hoàn thành xuất	55	15	11	15	8			10	4	15	6
- Hoàn thành tốt	125	18	9	18	10	35	19	26	17	28	10
- Hoàn thành	202	30	8	47	24	43	20	39	19	43	16
- Chưa hoàn thành	1							1			
V. Khen thưởng	162	32	20	31	16	33	17	30	17	36	13
- Giấy khen cấp trường	162	32	20	31	16	33	17	30	17	36	13
- Giấy khen cấp trên											
VI. HSDT được trợ giảng											
VII. HS.K.Tật	16	5		4	2	2	2	4	3	1	1
VIII. HS bỏ học kỳ II											
+ Hoàn cảnh GDKK											
+ KK trong học tập											
+ Xa trường, đi lại K.khăn											
+ Thiên tai, dịch bệnh											
+ Nguyên nhân khác											
IX. Chương trình lớp học	383	63	28	80	42	78	39	76	40	86	32
Hoàn thành	382	63	28	80	42	78	39	75	40	86	32
Chưa hoàn thành	1							1			

Khen thưởng Cuộc thi Violympic:

- Vòng huyện: 09 Giải Vàng; 16 Giải Bạc; 04 Giải Đồng.
- Vòng tỉnh: 06 Giải Vàng; 04 Giải Bạc; Giải Đồng; 01 Giải Khuyến khích.

Khen thưởng Cuộc thi Trạng nguyên Tiếng việt

- Vòng huyện (Thi Hương): 04 Giải Nhì; 03 Giải Ba.
- Vòng tỉnh (Thi Hội): 02 Giải khuyến khích.
- Phong trào hoạt động của đội TNTPHCM Tổ chức nhiều các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm, sinh hoạt câu lạc bộ, tham gia nhiều các cuộc thi: 63 bài viết thư quốc tế UPU được gửi dự thi; Sân chơi ý tưởng trẻ thơ...

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học: 86/86 đạt 100%

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài:

Không

Trên đây là nội dung công khai Kết quả hoạt động giáo dục Trường PTDTBT TH Chà Tở.

Nơi nhận:

- UBND xã Chà Tở;
- Phòng VHXXH;
- Website trường (để công khai);
- Lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Hồng Nhung